

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/01/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hoàn Thiện và ông Trần Lê.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Cẩm Thoang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Ánh Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 208/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Mỹ P, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn QH, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Võ Văn T, sinh năm 1987; Trú tại: Thôn PK, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn ngày 17/9/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ P trình bày:

Bà P và ông Võ Văn T tự tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận bình thường, mấy năm sau thì xảy ra mâu thuẫn vì ông T không chú tâm làm ăn mà đam mê cờ bạc và nhậu nhẹt, bà P đã bỏ qua và cùng ông T trả nợ do chơi cờ bạc gây ra nhiều lần, ông T hứa hẹn với bà P và gia đình hai bên sẽ thay đổi. Tuy nhiên, vẫn tính nết tật nấy, tiếp tục chơi và gây nợ nần, năm 2018 vợ chồng kinh cãi lớn tiếng nên bà P dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở và ông T bỏ nhà đi, trốn nợ, không liên lạc gì với bà P hay gia đình, hiện nay ở đâu, làm gì thì bà không biết,

không quan tâm. Đã hơn 02 năm vợ chồng không còn qua lại, quan tâm gì nhau, nay để ổn định cuộc sống bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Thị Cẩm T, sinh ngày 11/10/2012, từ khi ly thân đến nay bà P là người trực tiếp nuôi con, ông T không thăm hỏi hay chu cấp gì, nay vợ chồng ly hôn bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Vợ chồng bà P không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng bà P không nợ ai, ông T có nợ riêng ai hay không thì bà P không biết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần và đã tiến hành thủ tục về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bị đơn nhưng không có kết quả nên bị đơn không có lời trình bày.

Tòa án nhân dân huyện PH không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn T và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành, thực hiện đúng với quyền và nghĩa vụ của đương sự được pháp luật quy định; bị đơn không chấp hành, thực hiện đúng với quyền và nghĩa vụ của đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Phạm Thị Mỹ P được ly hôn với ông Võ Văn T; về con chung: đề nghị giao cháu Võ Thị Cẩm T cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung; Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai nhưng không có lý do mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ P và ông Võ Văn T kết hôn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã HT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 170

ngày 10/11/2012, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn vì ông T không chú tâm làm ăn mà thường xuyên nhậu nhẹt, chơi cờ bạc gây nợ nần, hứa sửa đổi nhưng vẫn tính nào tạt nẩy, HĐXX xét thấy: Trong cuộc sống chung vợ chồng bà P ông T xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, trong thời gian này không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống, bà P không biết ông T hiện nay đang ở đâu làm gì và ông T cũng không liên lạc với bà P, Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông T nhưng không có kết quả, cuộc sống chung không thể tiếp tục, tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Phạm Thị Mỹ P được ly hôn với ông Võ Văn T.

[3] Về con chung: Bà P và ông T có 01 con chung tên là Võ Thị Cẩm T, sinh ngày 11/10/2012. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, cháu T có nguyện vọng ở với mẹ nên đề ổn định cuộc sống của con chung, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà P. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, bà Phạm không có yêu cầu, HĐXX đã giải thích pháp luật về quyền lợi của con, người không trực tiếp nuôi con nhưng bà P vẫn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn bà Phạm phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Do đó, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Phạm Thị Mỹ P được ly hôn với ông Võ Văn T.

2. *Về con chung*: Khi ly hôn, bà Phạm Thị Mỹ P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Võ Thị Cẩm T, sinh ngày 11/10/2012. Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002892 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên.

4. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tổng đạt Bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên(01);
- VKSND H. PH (02);
- CC THADS H. PH (01);
- Các đương sự (02);
- UBND xã HT (01);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂN PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Minh Nhật

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

